

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 540 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 06 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành,
công trình: Xây dựng Ký túc xá Trường chính trị tỉnh Bình Phước**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Xét Báo cáo số 4390/BC-STC ngày 30/12/2022, số 897/BC-STC ngày 04/4/2023 của Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, công trình: Xây dựng Ký túc xá Trường chính trị tỉnh Bình Phước, với các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên dự án: Xây dựng Ký túc xá Trường chính trị tỉnh Bình Phước
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
- Địa điểm xây dựng: phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước
- Thời gian khởi công, hoàn thành (thực tế): 05/8/2019 - 31/12/2020

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư của dự án hoặc dự toán được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Giá trị quyết toán được phê duyệt
	Tổng số	119.856.784.000	115.693.365.000
1	Xây dựng + Thiết bị	110.330.783.603	108.432.442.000
2	Quản lý dự án	1.460.728.236	1.460.728.000

3	Tư vấn	5.227.717.804	4.922.111.000
4	Chi phí khác	1.458.605.800	878.084.000
5	Dự phòng	1.378.948.557	0

2. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư của dự án được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyệt
1	2	3	4	5	6=4-5	7
	Tổng số	119.856.784.000	115.693.365.000	116.142.057.000	-448.692.000	754.440.000
1	Vốn đầu tư công	119.856.784.000	115.693.365.000	116.142.057.000	-448.692.000	754.440.000
1.1	Vốn Ngân sách nhà nước	119.856.784.000	115.693.365.000	116.142.057.000	-448.692.000	754.440.000
	- Vốn ngân sách trung ương (ghi chi tiết vốn)					
	- Vốn ngân sách địa phương	119.856.784.000	115.693.365.000	116.142.057.000	-448.692.000	754.440.000
1.2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật	0	0	0	0	0
2	Vốn khác (nếu có)	0	0	0	0	0

3. Giá trị tài sản Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

Đơn vị: đồng

Số TT	Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý (nếu có)		Giao đơn vị khác quản lý (nếu có)	
		Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)
	Tổng số			115.693.365.000	115.693.365.000
1	Tài sản dài hạn (tài sản cố định)			115.693.365.000	115.693.365.000
2	Tài sản ngắn hạn				

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: Không có.

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản: Không có.

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: Không có.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

1.1. Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là:

Đơn vị: đồng

Số TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Tổng số		115.693.365.000	
1	Vốn đầu tư công	115.693.365.000	
1.1	Vốn Ngân sách nhà nước	115.693.365.000	
	- Vốn ngân sách trung ương	0	
	- Vốn ngân sách địa phương	115.693.365.000	
1.2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật	0	
2	Vốn khác (nếu có)	0	

1.2. Các khoản công nợ tính đến ngày 30/12/2022:

+ Tổng nợ phải thu: 754.440.000 đồng

+ Tổng nợ phải trả: 305.748.000 đồng

Các khoản phải thu, phải trả của từng đơn vị, cá nhân được chi tiết tại phụ lục số 01 kèm theo.

1.3. Thực hiện các kiến nghị của Sở Tài chính tại Báo cáo số 4390/BC-STC ngày 30/12/2022.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản (nếu có)

- Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị: đồng

Số TT	Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/ cố định	Tài sản ngắn hạn
	Trường Chính trị tỉnh Bình Phước	115.693.365.000	

- Quản lý, sử dụng có hiệu quả công trình đã đầu tư.

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan:

Chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết hoàn thành công nợ, thu hồi các khoản chi không đúng quy định, thanh toán các khoản chi phí còn lại, tất toán tài khoản dự án đảm bảo quy định hiện hành.

4. Các nghiệp vụ khác: Không có.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước Bình Phước; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh; đơn vị tiếp nhận tài sản và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- LĐVP, Phòng TH;
- Lưu: VT, (Quế-13.2).



CHỦ TỊCH

Trần Tuệ Hiền

PHỤ LỤC CÁC KHOẢN CÔNG NỢ CỦA DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 540 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2023 của UBND tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: đồng

Stt	Tên cá nhân đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị chấp nhận quyết toán	Vốn đã giải ngân	Công nợ	
					Phải trả	Phải thu
1	2	3	4	5	6	7
	Tổng cộng		115.693.365.000	116.142.057.000	305.748.000	754.440.000
1	Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp Miền Nam	Chi phí xây lắp	108.432.442.000	109.079.329.000	0	646.887.000
2	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Chi phí QLDA	1.460.728.000	1.460.728.000	0	0
3	Trung tâm Nghiên cứu công nghệ và thiết bị công nghiệp	Thanh toán chi phí tư vấn khảo sát địa chất	174.287.000	174.287.000	0	0
4	Công ty Cổ phần kỹ thuật và kiểm định xây dựng Tây Á	Thanh toán chi phí giám sát khảo sát địa chất	7.000.000	7.000.000	0	0
5	Công ty TNHH tư vấn đầu tư và xây dựng Quốc Tế	Thanh toán chi phí tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi	453.000.000	453.000.000	0	0
6	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	CP thẩm định dự án đầu tư	14.382.000	0	14.382.000	0
7	Công ty TNHH tư vấn đầu tư và xây dựng Quốc Tế	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công - dự toán (cấp II)	2.249.830.000	2.249.830.000	0	0
8	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	CP thẩm định TKBVTC- dự toán	100.937.000	153.290.000	0	52.353.000
9	Công ty TNHH MTV Xây dựng thương mại Hoàng Hưng	Chi phí lập HSMT và ĐGHSDT các gói thầu	190.000.000	190.000.000	0	0

10	Công ty TNHH MTV Phú Riềng Đỏ	CP giám sát thi công xây dựng + lắp đặt thiết bị	1.847.994.000	1.847.994.000	0	0
11	Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường	Chi phí lập kế hoạch bảo vệ môi trường	0	55.200.000	0	55.200.000
12	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Cần Thơ - Tổng công ty CP Bảo hiểm Bưu điện	Chi phí bảo hiểm và thiết bị	99.984.000	99.984.000	0	0
13	Công ty TNHH KT và TV Tín Việt - AICA	Chi phí kiểm toán độc lập	371.415.000	371.415.000	0	0
14	Sở Tài chính	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	130.374.000	0	130.374.000	0
15	Công ty Cổ phần tư vấn tổng hợp số 1	Chi phí TĐ HSMT & KQ lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án	96.000.000	0	96.000.000	0
16	Công an PCCC	Lệ phí thẩm duyệt PCCC	5.592.000	0	5.592.000	0
17	Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3	Giám định thực trạng và kiểm định an toàn cho 04 thang máy	59.400.000	0	59.400.000	0